

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2024/DS-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Văn Bình

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Các ngày 08 và ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Phạm Thị Ngọc S – sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp BL, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của chị S: Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Trần Thị Thiên Nh - sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp BHA, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trương Thị Kim Ng – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp BL, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị N có mặt;

Vắng mặt chị Nh;

Chị Ng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng N đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:***

Vào ngày 12/12/2022, chị Trần Thị Thiên Nh có mượn của chị Phạm Thị Ngọc S số tiền là 980.000.000 đồng. Chị Nh có hứa với chị S tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hồng Quý là hằng tháng sẽ trả cho chị S số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vay Nng chị Nh không thực hiện theo hợp đồng vay tiền. Chị S đã liên hệ chị Nh nhiều lần để yêu cầu chị Nh trả tiền Nng không gặp chị Nh.

Sau ngày 12/12/2022, chị S có nhận của chị Nh tổng số tiền 224.400.000 đồng Nng đây là số tiền lãi mà chị Nh trả cho chị S. Tiền lãi từ ngày 12/12/2022 đến tháng 4/2024, chị S tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng, tạm tính là $980.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 1,66\% = 244.020.000 \text{ đồng}$, chị S đã nhận 224.400.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào phần lãi suất, xem N số tiền này chị S và chị Nh đã giải quyết xong. Các giao dịch của chị S và chị Nh trước ngày 12/12/2022 là những lần vay mượn trước đó đã giải quyết xong, không liên quan đến vụ án này.

Nay chị S yêu cầu chị Nh hoàn trả số tiền vốn 980.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 4 năm 2024 chị S yêu cầu chị Nh trả tiền lãi từ ngày 12/12/2022 đến ngày xét xử với lãi suất 1,66%/01 tháng trên số tiền vốn 980.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 11/4/2024 là 260.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Thiên Nh trình bày:***

Tôi và chị S có mối quan hệ làm ăn với nhau từ năm 2021. Tôi có mượn tiền chị S để hùn hạp làm ăn với bạn bè với hình thức đáo hạn ngân hàng, cọc tiền mua đất. Thời gian đầu do công việc suông sẽ nên tôi thanh toán lãi vốn đầy đủ cho chị S. Nng đến khoảng tháng 8/2022, tôi bị bạn lừa lấy tiền không trả nên phần tiền mượn chị S tôi trả chậm trễ. Thời gian đó, tôi nợ chị S khoảng 1.830.000.000 đồng. Sau đó chị S có đề nghị tôi xoay tiền để gửi lại cho chị S, tôi đã trả cho chị S hai lần tổng cộng là 850.000.000 đồng và nợ lại 980.000.000 đồng. Do ban đầu tôi và chị S làm ăn tin tưởng nhau nên chỉ chuyển khoản tiền và không có giấy nợ. Đến ngày 12/12/2022, chị S yêu cầu tôi ra làm hợp đồng cho vay tài sản và tôi cũng đồng ý.

Sau ngày 12/12/2022, tôi đã chuyển khoản trả cho chị S 11 lần tổng số tiền 224.400.000 đồng, tôi chuyển khoản qua số tài khoản của con gái chị S. Chị S cũng thừa nhận đã nhận số tiền 224.400.000 đồng Nng chỉ khấu trừ vào tiền lãi từ ngày 12/12/2022 đến tháng 4/2024 thì tôi không đồng ý do trong hợp đồng vay tôi và chị S không có thỏa thuận lãi suất.

Nay chị S khởi kiện yêu cầu tôi trả 980.000.000 đồng, không tính lãi thì tôi không đồng ý do tôi đã trả cho chị S số tiền 224.400.000 đồng, tôi chỉ còn nợ 755.600.000 đồng, tôi xin chị S khấu trừ thêm cho tôi số tiền mà tôi đã trả lãi trước ngày 12/12/2022 vì hiện tại tôi không còn khả năng để trả và xin trả dần, tôi đang chờ lấy lại số tiền tôi bị lừa đảo chiếm đoạt để trả lại cho chị S.

**** Tại bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Kim Ng trình bày:***

Tôi là con gái của chị S. Tôi có số tài khoản 03724211301 mở tại ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Tiền Giang. Do mẹ tôi là chị S từ trước đến nay không có số tài khoản ngân hàng nên khi chị Nh vay mượn tiền mẹ tôi đến khi chị Nh trả tiền lãi cho mẹ tôi thì chị Nh kêu mẹ tôi cho số tài khoản để chuyển khoản trả tiền lãi vì không có thời gian gặp trực tiếp trả tiền lãi mà mẹ tôi không có số tài khoản nên có nói với chị Nh là mẹ tôi sẽ cho số tài khoản của tôi để chị Nh chuyển trả tiền lãi. Việc chị Nh và mẹ tôi thoả thuận việc cho vay tiền N thế nào thì tôi không biết. Từ ngày 22/12/2022 đến ngày ngày 22/3/2023 tôi có nhận của chị Nh 11 lần tiền với tổng số tiền 224.400.000 đồng, tôi đã đưa cho mẹ tôi đủ số tiền 224.400.000 đồng. Tôi không tranh chấp gì trong vụ kiện này.

*** Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:** chị S có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện, chị đồng ý khấu trừ số tiền 224.400.000 đồng mà chị Nh đã chuyển khoản trả cho chị vào số tiền vốn, chị Nh còn nợ lại số tiền vốn là 980.000.000 đồng – 224.400.000 đồng = 755.600.000 đồng và tính lãi suất 1,66%/01 tháng từ ngày 22/3/2023 (ngày chị Nh trả nợ lần cuối cùng) đến ngày xét xử, tính chẵn 16 tháng tương đương với số tiền $755.600.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 16 \text{ tháng} = 200.687.000 \text{ đồng}$, cả vốn và lãi là 956.287.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị S khởi kiện yêu cầu chị Nh trả cho chị số tiền vay, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nh là bị đơn có nơi thường trú tại: ấp Bình Hoà A, xã SB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nh đã được Toà án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt không có lý do nên Toà án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

Chị Ng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vốn: Chị S khởi kiện yêu cầu chị Nh trả số tiền vốn vay 980.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị S cung cấp bản chính hợp đồng vay tiền được chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng Quý ngày 12 tháng 12 năm 2022. Theo hợp đồng vay thể hiện chị Nh vay của chị S số tiền 980.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thoả thuận, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng, tháng cuối 30.000.000 đồng. Chị Nh cũng thừa nhận đến ngày 12/12/2022 thì chị còn nợ chị S 980.000.000 đồng, sau khi ký kết hợp đồng vay chị có trả cho chị S nhiều lần với số tiền tổng cộng là 224.400.000 đồng, chị Nh yêu cầu khấu trừ số tiền 224.400.000 đồng vào tiền vốn, chị Nh chỉ còn nợ lại chị S số tiền vốn là 755.600.000

đồng. Chị S cũng thống nhất chị Nh có chuyển trả cho chị nhiều lần thông qua tài khoản của con gái là chị Ng số tiền 224.400.000 đồng và chị cũng đồng ý khấu trừ số tiền trên vào số tiền vốn, N vậy chị Nh còn nợ chị S số tiền vốn 755.600.000 đồng. Do đó, chị S khởi kiện yêu cầu chị Nh trả số tiền vốn vay 755.600.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Chị S yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/01 tháng từ ngày 22/3/2023 (ngày chị Nh trả nợ lần cuối cùng) đến ngày xét xử, tính chẵn 16 tháng tương đương với số tiền $755.600.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 16 \text{ tháng} = 200.687.000 \text{ đồng}$. Căn cứ vào hợp đồng vay ngày 12 tháng 12 năm 2022 thì chị S cho chị Nh vay số tiền 980.000.000 đồng với lãi suất do hai bên thỏa thuận Nng không được vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, giữa chị S và chị Nh có phát sinh giao dịch vay tiền và có thỏa thuận lãi suất nên chị S yêu cầu chị Nh trả số tiền lãi 1,66%/01 tháng trên số tiền vốn 755.600.000 đồng tính từ ngày 23/3/2023 (ngày chị Nh trả tiền sau cùng) đến ngày xét xử, tính chẵn 16 tháng tương đương số tiền $755.600.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1,66\% = 200.687.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời gian trả nợ: Chị Nh xin trả dần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Nh xin trả dần là kéo dài thời gian trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị S được pháp luật bảo vệ, chị S không đồng ý cho chị Nh trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của chị Nh.

Từ những phân tích trên, chị S khởi kiện yêu cầu Nh có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vốn 755.600.000 đồng và tiền lãi 200.687.000 đồng, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị S được chấp nhận nên chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 469, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S.

Buộc chị Trần Thị Thiên Nh có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ngọc S số tiền vốn 755.600.000 đồng và tiền lãi 200.687.000 đồng, tổng cộng 956.287.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thiên Nh phải chịu 40.688.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Phạm Thị Ngọc S số tiền 20.700.000 đồng + 6.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007109 ngày 20 tháng 12 năm 2023 và số 0007604 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án tuyên vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 15/8/2024 có mặt chị N, vắng mặt chị Nh và chị Ng.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**